

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 162 /SGD&ĐT - GDTrH

V/v công bố cấu trúc đề thi và đề tham
khảo Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT
năm học 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 23 tháng 1 năm 2025

Kính gửi:

- Trường phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố và thị xã;
- Hiệu trưởng các trường THPT, trường PT CLC Phượng Hoàng, trường PTNK TDTT Nghệ An.

Thực hiện kế hoạch tổ chức Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025-2026, Sở Giáo dục và Đào tạo công bố cấu trúc đề thi và đề tham khảo như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hình thức thi

- Môn Toán và Ngữ văn: Thi theo hình thức tự luận.
- Môn Ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Pháp): Thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan nhiều phương án lựa chọn (gồm 40 câu, thí sinh làm bài trên Phiếu trả lời trắc nghiệm).

2. Thời gian làm bài

- Môn Toán và Ngữ văn: 120 phút/môn thi.
- Môn Ngoại ngữ: 60 phút.

3. Thang điểm

Điểm bài thi tính theo thang điểm 10. Nếu sử dụng thang điểm khác thì kết quả điểm thi đổi sang thang điểm 10.

4. Mức độ yêu cầu và phân bố điểm

Đề thi yêu cầu có đủ ba cấp độ tư duy: Biết, Hiểu, Vận dụng. Tỷ lệ các cấp độ tư duy như sau:

- Biết và Hiểu: 50% - 60% tổng số điểm.
- Vận dụng: 40% - 50% tổng số điểm.

5. Nội dung đề thi

a) Thuộc phạm vi nội dung Chương trình GDPT cấp trung học cơ sở (THCS) hiện hành, chủ yếu thuộc chương trình lớp 9 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trong đó:

b) Đề thi đảm bảo chính xác, rõ ràng, tính giáo dục, phân hóa được trình độ học sinh, phù hợp với thời gian quy định cho từng môn thi, phát huy được phẩm chất, năng lực của học sinh.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI CÁC MÔN

1. Môn Toán

1.1. Năng lực được đánh giá và cấp độ tư duy

Bảng mô tả tỉ lệ các cấp độ tư duy được đánh giá theo các năng lực đặc thù

Năng lực đặc thù \ Cấp độ tư duy	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng % theo các năng lực đặc thù
Năng lực tư duy và lập luận	10% - 20%	10% - 15%	5% - 15%	20% - 35%
Năng lực Giải quyết vấn đề	10% - 20%	10% - 20%	5% - 15%	25% - 50%
Năng lực Mô hình hóa			20% - 30 %	20% - 30%
Tổng % theo các cấp độ tư duy	20 %- 40%	20%- 30%	40%-50%	

1.2. Phạm vi chương trình, cấu trúc

a) Phạm vi chương trình

Thuộc phạm vi Chương trình GDPT môn Toán cấp THCS, chủ yếu thuộc chương trình lớp 9.

b) Cấu trúc đề thi

Đề thi gồm có 5 câu, được phân bố mức điểm: Đại số: (4,5 - 5,5 điểm); Hình học: (3,0 - 4,5 điểm); Thống kê – Xác suất: (1,0 – 1,5 điểm) . Số câu và mức điểm cụ thể như sau:

Câu 1: (1,0 – 1,5 điểm) Thống kê – Xác suất.

Có 1 đến 2 ý nhỏ về Thống kê – Xác suất .

Cấp độ: nhận biết, thông hiểu.

Câu 2: (1,5-2,0 điểm) Đại số

Có 2 đến 3 ý nhỏ về chủ đề Căn thức, hàm số

Cấp độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng.

Câu 3: (2,0-2,5 điểm) Đại số

Có 2 đến 3 ý nhỏ về

Bài toán thực tế:

- Giải bài toán bằng cách lập phương trình hoặc hệ phương trình.

- Liên quan đến chủ đề : Phương trình và hệ phương trình; bất phương trình bậc nhất một ẩn.

Cấp độ: Biết, hiểu, vận dụng.

Câu 4: (3,0 – 4,0 điểm) - Hình học phẳng

Có khoảng 3 ý

Chứng minh tính chất hình học của các hình hình học; hệ thức hình học; bất đẳng thức và cực trị hình học.

Cấp độ: biết, hiểu, vận dụng, vận dụng cao (trong đó vận dụng cao: 0,5 điểm).

Câu 5: (1,0 – 1,5 điểm) Đại số kết hợp hình học (Bài toán thực tiễn).

Có khoảng 2 ý:

- Tính toán diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của: hình trụ, hình nón, hình cầu.

- Tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của biểu thức.

Cấp độ: Hiểu, vận dụng.

2. MÔN NGỮ VĂN

2.1 Năng lực được đánh giá và cấp độ tư duy

TT	Thành phần năng lực	Chủ đề, mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy			
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
I	Năng lực Đọc (chọn một trong ba loại văn bản)	- Văn bản văn học - Văn bản thông tin - Văn bản nghị luận	5	2 câu (10%)	2 câu (20%)	1 câu (10%)	40%
II	Năng lực Viết	Đoạn văn nghị luận văn học	1	5%	5%	10%	20%
		Bài văn nghị luận xã hội	1	5%	15%	20%	40%
Tổng			7	20%	40%		
				60%		40%	100%

2.2. Phạm vi chương trình, cấu trúc

a. Phạm vi chương trình

- Thuộc phạm vi chương trình GDPT môn Ngữ văn cấp THCS, chủ yếu lớp 9. Đề thi đánh giá năng lực học sinh thông qua Đọc hiểu văn bản và Viết bài văn nghị luận xã hội, đoạn văn nghị luận văn học. Kiến thức, kỹ năng tiếng Việt có thể đánh giá ở một hoặc một số câu của phần Đọc hiểu, chủ yếu được thể hiện trong bài viết của học sinh.

- Ngữ liệu đưa vào đề thi ở phần Đọc hiểu và Viết bài văn nghị luận, đoạn văn nghị luận phải đảm bảo các yêu cầu:

Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học, Ngữ văn THCS (của cả 03 bộ sách); có xuất xứ đầy đủ, chính xác, thông tin rõ ràng, nội dung tư tưởng lành mạnh, có giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ tương đương với các văn bản cùng thể loại đã được học trong chương trình Ngữ văn THCS (tránh sử dụng những văn bản có vấn đề nhạy cảm hoặc còn có nhiều tranh cãi); có chú thích về tác giả, từ ngữ khó hiểu, những yếu tố ngôn ngữ xa lạ với tư duy, nhận thức của học sinh; đối với những văn bản dài chỉ dùng một đoạn trích, cần có lời giới thiệu hoặc lược trích để học sinh

thấy được tính hệ thống của văn bản; dung lượng của văn bản hoặc đoạn trích từ 50 đến 1300 chữ.

- Về vấn đề nghị luận xã hội: Có thể được gợi ra từ ngữ liệu Đọc hiểu, hoặc vấn đề xã hội được dẫn ra từ nguồn tài liệu khác, hoặc được ra theo yêu cầu của người làm đề. Vấn đề nghị luận phải có tính tư tưởng, phù hợp với thực tiễn và trình độ của học sinh.

b. Cấu trúc

Phần I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

- Chọn một trong ba loại văn bản (hoặc đoạn trích): văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin.

- Có 5 câu Đọc hiểu ở các mức độ: biết, hiểu, vận dụng.

Phần II. Viết (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn nghị luận văn học (khoảng 200 chữ).

Câu 2. (4,0 điểm) Viết bài văn nghị luận xã hội.

Chọn một trong các dạng:

- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

3. MÔN NGOẠI NGỮ

Đề thi gồm có 40 câu (số câu được phân bố ở các mức độ như sau: nhận biết: 16 câu; thông hiểu: 12 câu; vận dụng: 12 câu).

a) Đối với môn tiếng Anh

- Phần 1: Ngữ âm

+ Nội dung/hình thức: Chọn từ có phần được gạch chân có cách phát âm khác với các từ còn lại (câu hỏi nhiều lựa chọn MCQ) để kiểm tra cách phát âm đúng (nguyên âm, phụ âm và tập hợp âm) và trọng âm từ của các từ riêng lẻ.

+ Số lượng câu: 04 (04 câu nhận biết).

- Phần 2: Từ vựng - Ngữ pháp – Chức năng giao tiếp

+ Nội dung/ hình thức:

o Chọn từ/cụm từ phù hợp để hoàn thành câu (câu hỏi nhiều lựa chọn MCQ) nhằm kiểm tra học sinh về những vấn đề:

- Từ pháp (hiểu và sử dụng được động từ theo các quy luật ngữ pháp về thời, thể, thức... biết sử dụng danh từ, đại từ, tính từ, giới từ,... chính xác trong văn cảnh cụ thể);
- Cú pháp (phân biệt và áp dụng được các cấu trúc câu);

- Phương thức cấu tạo từ (nhớ và vận dụng được các phương thức cấu tạo từ cơ bản, nhận biết được dạng thức khác nhau của từ trong văn cảnh cụ thể);
 - Chọn từ (word choice/usage: có khả năng chọn từ thích hợp về ngữ nghĩa), tổ hợp từ/cụm từ cố định (nhận biết và phân biệt được cụm từ tự do với cụm từ cố định, sử dụng cụm từ cố định);
 - Từ đồng nghĩa/trái nghĩa (nhận biết được từ/ngữ cận/trái nghĩa, sử dụng từ).
- Sắp xếp lại các câu nói (từ 03 đến 06 câu) thành đoạn hội thoại giữa hai người để kiểm tra khả năng giao tiếp và ứng dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh thực tế (cụ thể: khả năng nhận biết mạch hội thoại - hiểu được luồng thông tin và cách các câu trả lời liên kết với nhau để tạo thành một cuộc trò chuyện tự nhiên, logic và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ - nhận biết cách sử dụng ngôn ngữ phù hợp với từng tình huống giao tiếp, bao gồm cả việc sử dụng câu hỏi, câu trả lời, lời đề nghị, lời cảm ơn...)
- + Số lượng câu: 13 (06 câu nhận biết, 04 câu thông hiểu, 03 câu vận dụng)
- Phần 3: Đọc hiểu
- + Chủ điểm/ nội dung: Phổ thông (con người, cộng đồng, môi trường sống, giáo dục, khoa học phổ thông,...)
- + Số bài đọc:
- 02 bài đọc sử dụng cho bài điền khuyết (Guided-cloze test: 01 đoạn quảng cáo/ thông báo/ hướng dẫn... có độ dài trên/ dưới 70 từ gồm 03 chỗ trống và 01 bài đọc về chủ đề phổ thông có độ dài trên/dưới 150 từ gồm 05 chỗ trống) để kiểm tra khả năng nhận biết và sử dụng được từ, ngữ và cấu trúc đúng ở ngữ cảnh phù hợp trong một đoạn văn.
 - 01 bài đọc (về chủ đề phổ thông có độ dài trên/ dưới 250 từ) để kiểm tra kỹ năng đọc hiểu lấy thông tin cụ thể/đại ý, kiểm tra kỹ năng đoán và hiểu nghĩa từ mới, tổng hợp thông tin và suy luận... Số lượng và hình thức câu hỏi: 06 câu hỏi đọc hiểu nhiều lựa chọn (MCQ).
- + Số lượng câu: 14 (04 câu nhận biết, 05 câu thông hiểu, 05 câu vận dụng).
- Phần 4: Viết
- + Nội dung/ hình thức:
- Sắp xếp lại các câu đơn lẻ (tối thiểu 05 câu) thành một đoạn văn/ bức thư/.. hoàn chỉnh nhằm gián tiếp kiểm tra kỹ năng viết (nhận biết cấu trúc đoạn văn, cách triển khai ý, suy luận để sắp xếp các câu theo một trình tự hợp lý, tạo thành một đoạn văn mạch lạc, có nghĩa, từ đó nâng cao kỹ năng viết và phát triển tư duy logic).
 - Phát hiện lỗi cần sửa cho câu đúng (đặc biệt là lỗi liên quan đến kỹ năng viết) nhằm kiểm tra khả năng nhận biết, phân biệt và nắm được

cách sử dụng các từ/ ngữ và cách sử dụng cấu trúc hợp với văn phong viết trong ngữ cảnh phù hợp.

- Tìm câu gần nghĩa nhất với câu cho sẵn nhằm gián tiếp kiểm tra kỹ năng viết (khả năng diễn đạt: nhận biết được những cách diễn đạt khác nhau mà vẫn giữ nguyên ý nghĩa ban đầu của câu và kỹ năng paraphrasing - diễn đạt lại một ý tưởng bằng từ ngữ khác mà không làm thay đổi nghĩa gốc, một kỹ năng rất quan trọng trong học thuật và giao tiếp).
- Tìm câu kết hợp phù hợp nhất từ 02 câu đã cho nhằm kiểm tra kiến thức về cấu trúc câu (nhận biết được các thành phần của câu và cách chúng liên kết với nhau để tạo thành một câu hoàn chỉnh) và gián tiếp kiểm tra kỹ năng viết (kỹ năng diễn đạt ý tưởng một cách ngắn gọn, súc tích và hiệu quả bằng cách kết hợp hai câu đơn thành một câu phức tạp hơn)

+ Số lượng câu: 09 (02 câu nhận biết, 03 câu thông hiểu, 04 câu vận dụng)

Tổng số câu: 40.

b) Đối với môn tiếng Pháp

NỘI DUNG KIẾN THỨC:

1. Định từ/ déterminants (Mạo từ, tính từ chỉ định, tính từ sở hữu...)
 2. Đại từ/ pronoms: Đại từ chỉ định, đại từ sở hữu, đại từ nhân xưng, đại từ liên hệ (dạng đơn: qui, que, dont, où)...
 3. Tính từ chỉ tính chất/ adjectif qualificatif.
 3. Từ không xác định/ mots indéfinis.
 4. Thời thức của động từ/ temps et modes (Chỉ sử dụng những thời thức cơ bản: quá khứ gần, quá khứ hoàn thành, quá khứ tiếp diễn, hiện tại, tương lai gần, tương lai đơn, thức điều kiện ở hiện tại, thức subjunctif hiện tại.) .
 5. Giới từ/ préposition.
 6. Trạng từ/ adverbe.
 7. Phân từ/ participe passé/ participe présent.
- Số lượng câu từ nội dung 1 đến nội dung 7 : 17 (10 câu nhận biết, 04 câu thông hiểu, 03 câu vận dụng).
8. Câu danh từ, câu động từ/ phrase nominale, phrase verbale.
 9. Tạo từ/ formation des mots: (thêm tiền tố, hậu tố và tạo danh từ hoá từ động từ, tính từ hay tạo trạng từ chỉ cách thức (adverbe de manière) từ tính từ...
 10. Từ đồng nghĩa- trái nghĩa/ Synonyme- antonyme: Yêu cầu học sinh nhận biết các hình thức tạo từ trái nghĩa cơ bản bằng cách thêm tiền tố hoặc các câu hỏi học sinh phân biệt được từ cùng nghĩa, trái nghĩa dựa theo tình huống cụ thể.
 11. Câu chủ động/ bị động/Voix active- passive.

12. Ngữ chỉ thời gian, mục đích, nguyên nhân, hậu quả, .../ expressions du temps, du but, de la cause, de la conséquence, ...

13. Câu tình huống hoặc nối tiếp câu/ situation de communication ou phrase à achever.

Số lượng câu từ nội dung 8 đến nội dung 13: 8 câu (03 câu nhận biết, 02 câu thông hiểu, 03 câu vận dụng).

14. Đọc hiểu/ compréhension écrite

Gồm 3 bài đọc hiểu

+ 01 tài liệu thực tế (vé máy bay, thực đơn nhà hàng, thẻ sinh viên...)

+ 01 bài diễn từ khuyết với độ dài khoảng 50 đến 100 từ với những chủ đề quen thuộc: việc làm, môi trường, giáo dục, gia đình, tuổi trẻ, thể thao, công nghệ

+ 01 Bài đọc hiểu với độ dài ít nhất 150 từ với những chủ đề quen thuộc : việc làm, môi trường, giáo dục, gia đình, tuổi trẻ, thể thao, công nghệ

Số lượng câu: 15 câu (trong đó 03 câu nhận biết, 06 câu thông hiểu, 03 câu vận dụng).

Tổng số câu : 40 câu

Trên đây là một số quy định chung và cấu trúc đề thi, đề tham khảo Kì thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025 - 2026. Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị phổ biến để giáo viên và học sinh biết. Trong quá trình thực hiện có vấn đề vướng mắc, liên hệ Phòng Giáo dục Trung học để được làm rõ./.

Nơi nhận :

- Như trên (để thực hiện) ;
- Giám đốc (để báo cáo) ;
- Các Phó GD (để chỉ đạo) ;
- Lưu : VT, GDTrH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Văn Mai